

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 19/01/2022

*“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản;  
Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Tòng.

2. Ông Đỗ Minh Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/01/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-DS ngày 17/11/2020 về *“Tranh chấp đòi lại tài sản; Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST- DS ngày 06/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 03/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-DS ngày 02/7/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 105/TB-TA ngày 27/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 1005/TB-TA ngày 19/10/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1073/TB-TA ngày 02/11/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 1136/TB-TA ngày 22/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-DS ngày 01/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa 106/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Công L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 497/C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Lâm Thị Phương L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Phước M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thanh D, sinh năm 1972 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 811, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 497/C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) (có mặt).

Trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Ủy quyền cho bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc TT QLN KHCN, Khối quản trị rủi ro.

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Paxsky, Số 26 Ung Văn K, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bùi Phúc V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Paxsky, Số 26 Ung Văn K, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Phạm Công L trình bày:*

Anh Phạm Công L vay của anh Nguyễn Phước M số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 03/2019 (có làm biên vay viết tay nhưng anh M giữ biên nhận), có thỏa thuận lãi là 10%/tháng, thỏa thuận trong hạn 03 tháng sẽ trả vốn và lãi (việc thỏa thuận lãi, thời gian trả chỉ thỏa thuận bằng miệng). Ngày 05/3/2019 anh L, anh M có làm giấy mua bán xe chiếc xe 7 chỗ, hiệu inova, biển số 66A – 056.36, giá mua bán là 630.000.000 đồng, trong đó anh L tiền còn nợ Ngân hàng là 505.000.000 đồng và anh M nhận xe phải trả cho Ngân hàng số tiền này (việc thỏa thuận của anh L, anh M không có sự đồng ý của Ngân hàng). Trên thực tế anh L không bán xe cho anh M chỉ làm giấy mua bán (ngày 05/3/2019) để đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng mà

anh L đã vay của anh M vào tháng 03/2019.

Sau khi anh M nhân xe thì anh M có trả cho Ngân hàng 02 tháng số tiền là 25.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa, sau khi đưa xe cho anh M thì anh L có góp cho Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 30/6/2020 anh L có trả cho anh M số tiền 100.000.000 đồng (anh L không đưa trực tiếp cho anh M mà đưa cho V) anh V có làm biên nhận với anh L và hứa sẽ đưa lại cho anh M.

Nay anh L yêu cầu anh M trả lại anh xe ô tô ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại INNOVA; Loại xe Ô tô con; Số máy 1TRA314228; Màu sơn bạc; Biển số 66A – 056.36 do anh L đứng tên chủ sở hữu, những vấn đề khác anh L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về số tiền vay Ngân hàng anh L đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi còn thiếu là 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.767.592; Lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020 và đồng ý tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Phước M:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, các thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập,...) nhưng anh M vắng mặt không đến Tòa án, cũng không có ý kiến trình bày.

- *Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*1. Anh Nguyễn Thanh D trình bày:*

Ngày 06/6/2019 anh D cho anh M vay số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3%/tháng, có thỏa thuận thời hạn đến ngày 04/7/2019. Đến hạn anh M đến nay anh M không trả vốn và lãi cho anh D. Khi vay tiền anh M có đưa cho anh D xe ô tô biển số 66A – 056.36 do anh Phạm Công L đứng tên chủ sở hữu để làm tin. Khi đưa anh M có cho anh D ung xem 01 giấy ủy quyền ngày 04/3/2019 (anh L ủy quyền cho anh M sử dụng xe). Anh D không biết anh M có trả hết tiền cho Ngân hàng, hay chưa do bạn bè nên tôi không hỏi đến và cũng không có đọc lại giấy ủy quyền. Trong quá trình anh D sử dụng xe anh L có qua nhà anh D để đòi lại xe, nhưng anh không đưa cho anh L vì anh M chưa trả tiền vốn vay và lãi cho anh D. Trong quá trình Tòa án giải quyết anh D đã trả lại xe cho anh M. Anh D không yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp anh D và anh M có tranh chấp anh D sẽ khởi kiện anh M thành vụ kiện khác.

*2. Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam anh Bùi Phúc V trình bày:*

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và anh L, chị N có ký Hợp đồng tín dụng số 346.HĐTD.662.17 ngày 30/8/2017 để anh L, chị N vay số tiền 634.000.000 đồng, mục đích vay mua xe tiêu dùng. Ngày 30/8/2017 Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị N số tiền 634.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay anh L, chị N có thể chấp

xe ô tô Toyota, số loại innova, số khung 8EM9H3230807, Số máy 1TRA314228, biển số kiểm soát: 66A – 056.36 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013022 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/8/2017 do anh Phạm Công L đứng tên chủ sở hữu theo hợp đồng thế chấp số 346.HĐTC.662.17 ngày 30/8/2017. Việc anh L mua bán xe với anh M thì không báo cho Ngân hàng biết và Ngân hàng cũng biết việc anh L bán xe cho anh M.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh L, chị N có trả cho Ngân hàng số tiền 434.055.051 đồng (vốn vay là 271.900.000 đồng và lãi là 162.155.051 đồng). Hiện nay anh L, chị N còn Ngân hàng số tiền 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; lãi trong hạn là 14.767.592; Lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020.

Ngân hàng yêu cầu anh L, chị N liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi còn thiếu là 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.767.592 đồng; Lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020 và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 27/11/2020 cho đến khi anh L, chị N trả xong nợ.

Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là ô tô Toyota, số loại innova, số khung 8EM9H3230807, Số máy 1TRA314228, biển số kiểm soát: 66A – 056.36 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013022 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/8/2017 do anh Phạm Công L đứng tên chủ sở hữu không yêu cầu Tòa án giải quyết với yêu cầu này.

3. *Đối với chị Nguyễn Thị Tuyết N:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng chị N vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

4. *Anh Nguyễn Tuấn V:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Công L.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam buộc anh L, chị N liên đới trả cho Ngân

hàng số tiền vốn vay và lãi còn thiếu là 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.767.592; Lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020, và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 27/11/2020 cho đến khi anh L, chị N trả xong khoản nợ.

+ Không xem xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 346.HĐTC.662.17 ngày 30/8/2017 do Ngân hàng không yêu cầu xem xét vấn đề này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh L yêu cầu anh M trả lại chiếc xe ô tô biển số 66A – 056.36 do anh Phạm Công L đứng tên chủ sở hữu; Ngân hàng yêu cầu anh L, chị N liên đới trả số tiền vốn vay và lãi là 394.846.886 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020), yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 166, 317 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp đòi lại tài sản; tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Các đương sự đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lâm Thị Phương L, nguyên đơn anh Phạm Công L, bị đơn anh Nguyễn Phước M, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định.

[3] Xét việc vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn anh Phạm Công L tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, phiên tòa ngày 01/12/2021 nguyên đơn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được mở lại vào ngày 28/12/2021; đến phiên tòa ngày 28/12/2021 (xét xử lần 2), tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam bị cách ly y tế, nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần hai và triệu tập mở phiên tòa xét xử lại lần 3 vào ngày 19/01/2022. Nhưng tại phiên tòa ngày 19/01/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt hợp lệ, nhưng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xem việc vắng mặt của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa là từ bỏ việc khởi kiện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Phạm Công L.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam; Ngân hàng yêu cầu anh L, chị N liên đới trả số tiền 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; lãi trong hạn là 14.767.592 đồng; lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020 và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 27/11/2020 cho đến khi anh L, chị N trả xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số 346.HĐTD.662.17 ngày 30/8/2017 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ anh L, chị N đều có ký tên. Anh L thừa nhận số nợ như Ngân hàng trình bày và đồng ý cùng với chị N để trả; Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng có đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại INNOVA; Loại xe Ô tô con; Số máy 1TRA314228; Màu sơn bạc; Biển số 66A – 056.36 do anh L đứng tên chủ sở hữu thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 346.HĐTC.662.17 ngày 30/8/2017. Do Ngân hàng không yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với Hợp đồng thế chấp này.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh D không có yêu cầu gì trong vụ kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147, 218 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Do đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Công L, nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008176 ngày 17/11/2020 sẽ bị sung vào công quỹ nhà nước.

Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh L, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền án phí được tính như sau: 394.846.886 đồng x 5% = 19.743.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.872.000 đồng theo biên lai thu số 0011784 ngày 25/12/2020.

[8] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 218, 227, 228, 271, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, 299, 317, 323 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Công L về việc yêu cầu anh Nguyễn Phước M trả lại cho anh xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại INNOVA; Loại xe Ô tô con; Số máy 1TRA314228; Màu sơn bạc; Biển số 66A – 056.36 do anh L đứng tên chủ sở hữu.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam về việc yêu cầu anh L, chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi.

Buộc Anh Phạm Công L, chị Nguyễn Thị Tuyết N liên đới trả cho Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam số tiền vốn vay và lãi là 394.846.886 đồng (trong đó vốn gốc là 362.100.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.767.592; Lãi quá hạn là 17.979.294 đồng) lãi tạm tính đến ngày 26/11/2020.

Anh Phạm Công L, chị Nguyễn Thị Tuyết N liên đới trả lãi cho Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 346.HĐTD.662.17 ngày 30/8/2017.

3. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với các yêu cầu Tòa án đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí anh Phạm Công L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008176 ngày 17/11/2020 sung vào công quỹ nhà nước.

Anh Phạm Công L, chị Nguyễn Thị Tuyết N liên đới chịu 19.743.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng được nhận lại 9.872.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00011784 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nhân**